| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẠC LIÊU**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày: 18-4-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phùng Văn Định

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Bà Lý Thể Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số A, khóm B, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. "có mặt".

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim L**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số D, khóm E, phường F, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. "có mặt".

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày:* do quen biết nên bà có cho bà Huỳnh Thị Kim L vay tiền 02 lần, với số tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần 01: vào ngày 21/12/2017 (âm lịch), bà cho bà L vay số tiền là 10.000.000 đồng; thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng, đóng tiền lãi hàng tháng, không thỏa thuận ngày trả nợ gốc. Khi cho vay thì bà L có viết biên nhận mượn tiền.

- Lần 02: vào ngày 12/02/2018 (dương lịch), bà tiếp tục cho bà L vay thêm số tiền là 5.000.000 đồng; thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng, đóng tiền lãi hàng tháng, không thỏa thuận ngày trả nợ gốc. Tương tự lần 01, khi cho vay bà L cũng viết biên nhận mượn tiền.

Sau khi vay tiền, bà L không trả cho bà khoản nợ gốc và lãi nào mà bỏ địa phương đi một thời gian. Khi quay về địa phương sinh sống, bà L xin bà cho bà L được trả số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 30.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ nêu trên. Sau đó bà L có trả góp cho bà được 45 ngày, mỗi ngày là 30.000 đồng, tổng số tiền là 1.350.000 đồng, sau đó bà L không trả cho bà thêm khoản tiền nào nữa. Việc bà L trả tiền góp do bà thu tiền, vài lần bà bệnh nên nhờ con gái là Nguyễn Thị Thảo đến gặp bà L thu tiền. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả cho bà số tiền nợ còn thiếu nhưng bà L không chịu trả còn thách bà đi thưa. Nay, bà Mai Thị T khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim L trả cho bà số tiền 13.500.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 02 biên nhận mượn tiền ký tên ghi họ tên Huỳnh Thị Kim L; biên bản hòa giải ngày 16/11/2018 tại Ban nhân dân khóm 5, phường 2, thành phố Bạc Liêu (bản sao). Ngoài ra bà T không cung cấp chứng cứ gì thêm.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Huỳnh Thị Kim L trình bày:* do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà có vay tiền của bà Mai Thị T 02 lần, với số tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần 01: vào ngày 21/12/2017 (âm lịch), bà vay của bà T số tiền là 10.000.000 đồng; thỏa thuận đóng tiền lãi 01 ngày là 50.000 đồng, không thỏa thuận ngày trả nợ gốc. Khi cho vay thì bà có viết biên nhận mượn tiền.

- Lần 02: vào ngày 12/02/2018 (âm lịch), bà tiếp tục vay thêm của bà T số tiền là 5.000.000 đồng, thỏa thuận vay 02 tháng với tiền lãi tổng cộng là 1.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 100.000 đồng cả tiền gốc và tiền lãi.

Sau khi vay hai khoản tiền nêu trên bà có đóng tiền lãi cho bà T được vài lần nhưng tôi không nhớ rõ số tiền đóng là bao nhiêu, sau đó do làm ăn thất bại nên bà bỏ đi khỏi địa phương một thời gian. Khi về bà thỏa thuận với bà T sẽ trả tiền nợ gốc 15.000.000 đồng cho bà T, không đóng tiền lãi nữa, thỏa thuận mỗi ngày bà trả cho bà T 50.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận bà trả cho bà T được 90 ngày với số tiền là 4.500.000 đồng. Sau đó do quá khó khăn nên bà thỏa thuận lại với bà T sẽ trả mỗi ngày 30.000 đồng, bà đã trả được 109 ngày, mỗi ngày 30.000 đồng, được tổng số tiền là 3.270.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mà bà đã trả được cho bà T số tiền là 7.770.000 đồng, đối trừ số tiền bà thiếu bà T thì bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền là 7.230.000 đồng. Bà không yêu cầu Tòa án xem xét số tiền lãi mà bà đã trả cho bà T do bà không nhớ cụ thể số tiền. Những lần trả tiền thì bà không có làm biên nhận nên bà không có tài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày của bà. Tuy nhiên, những lần bà trả tiền thì đều có vợ ông Lê Phú Lập là bà Tô Ngọc Tuyền và bà Khưu Sùm Kệt chứng kiến. Nay, bà Mai Thị T yêu cầu bà

trả số tiền 13.500.000 đồng thì bà không đồng ý, bà đồng ý trả bà T số tiền còn lại là 7.230.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Thảo vào ngày 22/02/2019 xác định: do mẹ chị là bà Mai Thị T bị bệnh nên có yêu cầu chị đến gặp bà Huỳnh Thị Kim L để lấy tiền mỗi ngày là 30.000 đồng, chị đã đến gặp và lấy tiền của bà L 03 lần với số tiền tổng cộng là 90.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng Khưu Sùm Kệt và Tô Ngọc Tuyền vào ngày 01/3/2019, bà Kệt và bà Tuyền thống nhất xác định: bà Kệt và bà Tuyền không biết sự việc bà T cho bà L vay tiền, bà Kệt và bà Tuyền có thấy bà T lại chỗ bà L để thu tiền nợ góp, còn thu số tiền bao nhiêu và thu bao lâu, tổng cộng thu bao nhiêu tiền thì bà Kệt và bà Tuyền không biết.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T đối với bà Huỳnh Thị Kim L, buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị T số tiền nợ gốc là 13.500.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Mai Thị T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L có địa chỉ tại số 5/135C, khóm 5, phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà T và bà L đều thống nhất thừa nhận bà L có vay của bà T số tiền 15.000.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản giữa bà T với bà L mặc dù hai bên không làm hợp đồng nhưng có viết biên nhận, được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L cho rằng bà đã trả cho bà T được số tiền nợ gốc là 7.770.000 đồng, trong đó: đối với thỏa thuận trả góp một ngày 50.000 đồng thì bà đã trả góp được 90 ngày với số tiền là 4.500.000 đồng, sau

đó do khó khăn về kinh tế nên bà đã thỏa thuận trả góp cho bà T mỗi ngày 30.000 đồng và bà đã trả góp được 109 ngày với số tiền là 3.270.000 đồng. Hiện nay, bà chỉ còn nợ bà T số tiền là 7.230.000 đồng; bà T không thừa nhận mà xác định bà có thỏa thuận với bà L về việc mỗi ngày bà L trả góp cho bà số tiền là 30.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và bà L có trả góp cho bà được 45 ngày với số tiền tổng cộng là 1.350.000 đồng, sau đó bà L không trả cho bà thêm khoản tiền nào nữa. Cả bà T và bà L thừa nhận mỗi lần đóng tiền đều không làm giấy tờ. Xét thấy, nghĩa vụ chứng minh số tiền nợ gốc đã đóng là của bị đơn bà L nhưng bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả cho bà T số tiền nợ gốc là 7.770.000 đồng. Bà L cho rằng những lần bà trả tiền cho bà T thì đều có bà Tô Ngọc Tuyền và bà Khưu Sùm Kệt chứng kiến, việc bà trả tiền góp cho bà T thì có nhiều lần con bà T là chị Thảo đến gặp bà lấy tiền. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Thảo, bà Tô Ngọc Tuyền và bà Khưu Sùm Kệt, cụ thể: bà Kệt và bà Tuyền xác định không biết sự việc bà T cho bà L vay tiền, bà Kệt và bà Tuyền có thấy bà T lại chỗ bà L để thu tiền nợ góp, còn thu số tiền bao nhiêu và thu bao lâu, tổng cộng thu bao nhiêu tiền thì bà Kệt và bà Tuyền không biết; bà Thảo xác định có được bà T nhờ lại gặp bà L lấy tiền 03 lần với số tiền tổng cộng là 90.000 đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà L mà chấp nhận theo sự thừa nhận của bà T về số tiền nợ đã đóng. Thực tế, đối trừ số tiền 1.350.000 đồng bà L đã trả cho bà T thì bà L còn nợ bà T số tiền là 13.650.000 đồng, tuy nhiên bà T chỉ yêu cầu bà L trả số tiền nợ gốc 13.500.000 đồng nên Tòa án chấp nhận.

Về lãi suất: bà T xác định thỏa thuận cho vay lãi suất 5%/tháng nhưng thực tế bà L chưa trả cho bà được khoản tiền lãi nào; bà L xác định số tiền vay 10.000.000 đồng thỏa thuận đóng tiền lãi 01 ngày là 50.000 đồng, số tiền vay 5.000.000 đồng thỏa thuận vay 02 tháng với tiền lãi tổng cộng là 1.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 100.000 đồng cả tiền gốc và tiền lãi, quá trình vay bà có đóng lãi cho bà T được một vài lần nhưng không nhớ cụ thể số tiền. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu bà L trả tiền lãi và bà L cũng không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi mà bà đã trả cho bà T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: bà Huỳnh Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 675.000 đồng; bà Mai Thị T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 92, 93, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T đối với bà Huỳnh Thị Kim L.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Kim L có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị T số tiền nợ gốc là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch: bà Huỳnh Thị Kim L phải chịu án phí là 675.000 đồng; bà Mai Thị T không phải chịu án phí. Bà Mai Thị T được hoàn lại số tiền 337.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000172 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự hành phố Bạc Liêu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND TP. Bạc Liêu;*
- *Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HSVA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phùng Văn Định**